

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026

Số: 181 /TB-HĐTD

THÔNG BÁO

Kết quả thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành kỳ thi tuyển viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-KHXXH ngày 23/7/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Quyết định số 1320/QĐ-KHXXH ngày 03/11/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam điều chỉnh một số nội dung tại Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phê duyệt kèm theo Quyết định số 919/QĐ-KHXXH ngày 23/7/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-KHXXH ngày 14/11/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-KHXXH ngày 28/01/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc phê duyệt kết quả thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam thông báo kết quả thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam như sau:

1. Kết quả thi Vòng 2 môn nghiệp vụ chuyên ngành
(Danh sách kèm theo)

Chú ý: Thí sinh kiểm tra các thông tin cá nhân. Nếu có sai sót báo ngay về Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam để chỉnh kịp thời.



2. Thời gian, địa điểm tiếp nhận đơn phúc khảo thi Vòng 2

- Thời gian tiếp nhận đơn phúc khảo (15 ngày): từ ngày 28/01/2026 đến hết ngày 11/2/2026 (trừ ngày Thứ bảy và Chủ nhật). Sáng từ 8h00 đến 11h30; chiều từ 14h00 đến 17h30;

- Đơn đề nghị phúc khảo (theo mẫu gửi kèm);

- Phí phúc khảo 150.000 đồng/bài thi;

- Địa điểm: Ban Tổ chức - Cán bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Phòng 604, Tầng 6, Tòa A, số 1 Liễu Giai, Ngọc Hà, Hà Nội.

Văn bản này được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng và niêm yết tại trụ sở Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (số 1 Liễu Giai, Ngọc Hà, Hà Nội).

Nơi nhận:

- Chủ tịch Viện HL (để b/c);
- Ban Giám sát kỳ tuyển dụng (để phối hợp);
- Hội đồng tuyển dụng viên chức;
- Cổng thông tin điện tử Viện HL;
- Lưu: VT, TCCB.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
KT.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHXH VIỆT NAM
Tạ Minh Tuấn



THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI
Phòng 1

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới Tính	Vị trí	Đơn vị đăng ký	Điểm bảng số	Điểm bằng chữ
1	VC006	Đào Thị Ngọc Anh	25/10/1990	Nữ	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	40,5	Bốn mươi phẩy năm
2	VC009	Nguyễn Đức Anh	23/01/1998	Nam	Chuyên viên	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	38,5	Ba mươi tám phẩy năm
3	VC015	Nguyễn Thị Phương Anh	05/11/1992	Nữ	Chuyên viên	Viện NC Châu Á - Thái Bình Đương	44	Bốn mươi bốn
4	VC017	Phạm Thị Vân Anh	05/01/2001	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	58	Năm mươi tám
5	VC030	Đặng Minh Anh	26/07/2003	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	32	Ba mươi hai
6	VC036	Đào Phương Anh	25/09/1980	Nữ	Chuyên viên	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	52	Năm mươi hai
7	VC043	Nguyễn Văn Chăm	05/10/1982	Nam	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	65	Sáu mươi lăm
8	VC045	Tạ Minh Châu	10/08/2002	Nữ	Chuyên viên	Viện Văn học	39	Ba mươi chín
9	VC046	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	21/10/2002	Nữ	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	53	Năm mươi ba
10	VC055	Nguyễn Xuân Công	30/04/1991	Nam	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	43	Bốn mươi ba
11	VC057	Nguyễn Thị Thu Cúc	02/08/2000	Nữ	Chuyên viên	Viện NC Châu Á - Thái Bình Đương	36,5	Ba mươi sáu phẩy năm
12	VC064	Lưu Thị Dịu	29/06/1997	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	73	Bảy mươi ba
13	VC069	Hoàng Việt Dũng	10/09/1991	Nam	Chuyên viên	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	52	Năm mươi hai

14	VC074	Phạm Khánh Duy	10/06/2001	Nam	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	55,5	Năm mười lăm phẩy năm
15	VC077	Phạm Ngọc Duy	22/07/1990	Nam	Chuyên viên	Ban Quản lý dự án ĐTXDCN	25	Hai mươi lăm
16	VC086	Nguyễn Thùy Dương	16/08/2001	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	50,5	Năm mười phẩy năm
17	VC095	Bùi Thị Kim Giang	10/09/1997	Nữ	Chuyên viên	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	43	Bốn mươi ba
18	VC099	Đỗ Thái Hà	19/09/1997	Nam	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	38	Ba mươi tám
19	VC103	Hoàng Thu Hà	02/11/1990	nữ	Chuyên viên	Viện NC Châu A - Thái Bình Dương	52,5	Năm mười hai phẩy năm
20	VC116	Phạm Thu Hà	15/04/2000	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	22,5	Hai mươi hai phẩy năm
21	VC121	Trần Thanh Hải	10/12/1997	Nam	Chuyên viên	Viện Văn học	9	Chín chẵn
22	VC140	Trần Gia Hiếu	17/07/1999	Nam	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	36,5	Ba mươi sáu phẩy năm
23	VC145	Lê Thị Hoa	19/08/1986	Nữ	Chuyên viên	Viện Văn học	55	Năm mười lăm
24	VC148	Nguyễn Tiến Hòa	07/08/1999	Nam	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	24,5	Hai mươi bốn phẩy năm
25	VC152	Nguyễn Văn Hoan	03/01/2000	Nam	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	47,5	Bốn mươi bảy phẩy năm
26	VC167	Lại Thị Huệ	08/09/2002	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	63	Sáu mươi ba
27	VC172	Lê Quang Huy	31/07/2000	Nam	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	43	Bốn mươi ba
29	VC179	Trần Thị Khánh Huyền	04/02/1997	Nữ	Chuyên viên	Viện Thông tin Khoa học xã hội	53	Năm mươi ba
30	VC184	Vũ Khánh Huyền	26/12/1999	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	45,5	Bốn mươi lăm phẩy năm

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI
Phòng 2

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới Tính	Vị trí	Đơn vị đăng ký	Điểm bảng số	Điểm bằng chữ
1	VC192	Nguyễn Thị Thu Hương	23/08/1989	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	39	Ba mươi chín
2	VC193	Nguyễn Thị Thanh Hương	28/12/1990	Nữ	Chuyên viên	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	31,5	Ba mươi một phẩy năm
3	VC196	Trần Tấn Khải	20/08/2003	Nam	Chuyên viên	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	57	Năm mươi bảy
4	VC198	Phạm Linh Khôi	14/08/1987	Nữ	Chuyên viên	Viện Văn học	45	Bốn mươi lăm
5	VC199	Vũ Minh Khuê	21/08/2003	Nữ	Chuyên viên	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	45	Bốn mươi lăm
6	VC201	Trần Thị Ngọc Kiên	23/12/1985	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	42	Bốn mươi hai
7	VC212	Lê Thị Phương Linh	13/02/1999	Nữ	Chuyên viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	39,5	Ba mươi chín phẩy năm
8	VC213	Ngô Mai Linh	10/12/1997	Nữ	Chuyên viên	Viện NC Châu Á - Thái Bình Dương	60	Sáu mươi chẵn
9	VC221	Nguyễn Bảo Linh	10/10/1996	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	38	Ba mươi tám
10	VC234	Trần Thị Lý	10/07/1989	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	30	Ba mươi chẵn
11	VC235	Nguyễn Thị Mai	28/06/1985	Nữ	Chuyên viên	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	55	Năm mươi lăm
12	VC238	Nguyễn Thanh Mai	30/09/1997	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	69	Sáu mươi chín
13	VC241	Phan Nhật Minh	09/01/1999	Nam	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	32	Ba mươi hai

14	VC242	Dương Anh Minh	30/04/1983	Nam	Chuyên viên	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	52	Năm mươi hai
15	VC246	Nguyễn Đoàn Tú Minh	28/03/2003	Nam	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	45,5	Bốn mươi lăm phẩy năm
16	VC259	Đỗ Thị Quỳnh Nga	23/12/2002	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	50,5	Năm mươi phẩy năm
17	VC261	Dương Văn Ngân	12/03/1986	Nam	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	59	Năm mươi chín
18	VC264	Nguyễn Duy Hà Ngân	22/12/2003	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	31	Ba mươi mốt
19	VC279	Đinh Việt Nhật	04/08/2000	Nam	chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	38	Ba mươi tám
20	VC291	Vương Ngọc Phước	08/06/2000	Nam	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	51	Năm mươi mốt
21	VC292	Trịnh Kế Phương	04/12/2000	Nam	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	51,5	Năm mươi mốt phẩy năm
22	VC296	Lê Thị Hà Phương	21/10/1996	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	48	Bốn mươi tám
23	VC304	Trần Thị Phương	10/03/1990	Nữ	Chuyên viên	Viện Ngôn ngữ học	51,5	Năm mươi mốt phẩy năm
24	VC317	Nguyễn Hùng Sơn	21/07/2002	Nam	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	37	Ba mươi bảy
25	VC330	Đỗ Phương Thảo	06/12/2002	Nữ	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	17	Mười bảy
26	VC332	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/01/1997	Nữ	Chuyên viên	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	36	Ba mươi sáu
27	VC335	Lê Thị Phương Thảo	09/07/1998	Nữ	Chuyên viên	Viện Văn học	59	Năm mươi chín
28	VC337	Đoàn Thị Thảo	28/10/2002	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	52	Năm mươi hai
29	VC339	Trần Thị Phương Thảo	27/10/1995	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	51,5	Năm mươi mốt phẩy năm
30	VC346	Lê Tiến Thịnh	10/11/1986	Nam	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	44	Bốn mươi bốn

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI
Phòng 3

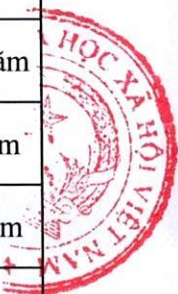
STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới Tính	Vị trí	Đơn vị đăng ký	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ
1	VC347	Chu Công Thọ	26/05/1987	Nam	Chuyên viên	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	20,5	Hai mươi phẩy năm
2	VC350	Nguyễn Thị Thủy	28/06/1990	Nữ	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	42,5	Bốn mươi hai phẩy năm
3	VC351	Phạm Thanh Thủy	18/11/1978	Nữ	Chuyên viên	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	23,5	Hai mươi ba phẩy năm
4	VC363	Bùi Lê Anh Thư	23/10/1998	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	40,5	Bốn mươi phẩy năm
5	VC381	Phan Thị Ngọc Trâm	07/10/1994	Nữ	Chuyên viên	Ban Tổ chức - Cán bộ	36	Ba mươi sáu
6	VC387	Võ Thị Thanh Trúc	20/03/1996	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Đảng ủy Viện Hàn lâm	33	Ba mươi ba
7	VC404	Nguyễn Lê Vân	17/12/2003	Nữ	Chuyên viên	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	51	Năm mươi một
8	VC412	Lê Thảo Vy	19/05/1999	Nữ	Chuyên viên	Ban Tài chính và Quản lý khoa học	62	Sáu mươi hai
9	VC413	Nguyễn Thị Xuân	04/11/1985	Nữ	Chuyên viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	51	Năm mươi một
10	VC071	Vũ Hoàng Dũng	14/10/1998	Nam	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác Quốc tế	37	Ba mươi bảy
11	VC105	Lê Thị Phương Hà	29/07/1999	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác Quốc tế	57,5	Năm mươi bảy phẩy năm

12	VC134	Đồng Thị Ngọc Hiền	28/02/2003	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác Quốc tế	42	Bốn mươi hai
13	VC161	Lê Thanh Hồng	08/01/2000	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác Quốc tế	43,5	Bốn mươi ba phẩy năm
14	VC173	Nguyễn Bảo Huy	24/01/2003	Nam	Chuyên viên Hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác quốc tế	66, 5	Sáu mươi sáu phẩy năm
15	VC188	Vũ Thị Mai Hương	28/08/2000	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác quốc tế	52	Năm mươi hai
16	VC215	Đào Phương Linh	05/10/1997	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác quốc tế	38,5	Ba mươi tám phẩy năm
17	VC216	Vũ Thùy Linh	01/11/2004	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác Quốc tế	57	Năm mươi bảy
18	VC217	Trần Mỹ Linh	26/05/2003	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác Quốc tế	44	Bốn mươi bốn
19	VC265	Đỗ Thị Ngoan	07/04/1998	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác Quốc tế	31,5	Ba mươi một phẩy năm
20	VC269	Trần Minh Ngọc	05/09/2000	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác quốc tế	43,5	Bốn mươi ba phẩy năm
21	VC288	Đinh Thị Mỹ Oanh	06/02/2002	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Viện Thông tin Khoa học xã hội	74,25	Bảy mươi tư phẩy hai mươi lăm
23	VC374	Trần Hà Trang	28/07/2000	Nữ	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Ban Hợp tác Quốc tế	55,5	Năm mươi lăm phẩy năm
25	VC135	Nguyễn Thị Hiền	21/06/1991	Nữ	Văn thư viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	85	Tám mươi lăm
26	VC133	Lê Thị Thu Hiền	14/03/1983	Nữ	Thư viện viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	69	Sáu mươi chín
27	VC326	Đỗ Tiến Thành	06/02/1996	Nam	Kỹ sư hạng III	Văn phòng Viện Hàn lâm	29,5	Hai mươi chín phẩy năm
28	VC327	Hoàng Tiến Thành	28/04/1979	Nam	Kỹ sư hạng III	Văn phòng Viện Hàn lâm	50	Năm mươi chẵn
29	VC274	Ngô Lê Ngọc	19/11/1984	Nam	Công nghệ thông tin	Văn phòng Viện Hàn lâm	66,5	Sáu mươi sáu phẩy năm
30	VC308	Vũ Đăng Quang	11/05/2000	Nam	Công nghệ thông tin	Văn phòng Viện Hàn lâm	61	Sáu mươi một

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI
Phòng 4

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới Tính	Vị trí	Đơn vị đăng ký	Điểm bảng số	Điểm Bảng chữ
1	VC049	Thân Thị Hạnh Chi	10/12/2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	51,5	Năm mươi một phẩy năm
2	VC068	Vũ Mỹ Dung	06/03/1994	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	72	Bảy mươi hai
3	VC084	Nguyễn Thị Dương	21/10/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	56	Năm mươi sáu
4	VC090	Chu Văn Đạt	02/06/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	76	Bảy mươi sáu
5	VC109	Trần Thị Việt Hà	17/08/1997	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	92	Chín mươi hai
6	VC110	Nguyễn Thị Hoàng Hà	16/08/1991	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	36	Ba mươi sáu
7	VC111	Lê Thị Ngân Hà	01/01/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	91,5	Chín mươi một phẩy năm
8	VC122	Vũ Trọng Phúc Hải	02/02/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	44,5	Bốn mươi bốn phẩy năm
9	VC174	Nguyễn Đức Huy	05/12/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	32	Ba mươi hai
10	VC183	Âu Thanh Huyền	01/03/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	47	Bốn mươi bảy
11	VC336	Nguyễn Phương Thảo	01/02/1996	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	94	Chín mươi tư
12	VC380	Vũ Minh Trang	28/12/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	73,5	Bảy mươi ba phẩy năm
13	VC384	Nguyễn Trần Minh Trí	17/04/1992	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	81	Tám mươi một

14	VC411	Nguyễn Hoàng Vũ	01/05/2002	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới	93,5	Chín mươi ba phẩy năm
15	VC002	Phan Trường An	17/05/2000	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	51,5	Năm mươi một phẩy năm
16	VC022	Trần Tú Anh	16/02/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	78,5	Bảy mươi tám phẩy năm
17	VC023	Lê Quang Đức Anh	23/10/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	78	Bảy mươi tám
18	VC073	Đặng Tuấn Dũng	22/09/2001	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	80,5	Tám mươi phẩy năm
19	VC089	Lê Đình Đài	22/11/2001	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	76	Bảy mươi sáu
20	VC150	Nguyễn Thị Minh Hòa	23/03/1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	52,5	Năm mươi hai phẩy năm
21	VC170	Nguyễn Đức Hùng	06/08/2002	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	73,5	Bảy mươi ba phẩy năm
22	VC186	Nguyễn Đình Hưng	12/08/1991	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	84,5	Tám mươi tư phẩy năm
23	VC239	Phan Quỳnh Mai	02/01/2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	62	Sáu mươi hai
24	VC249	Trần Thị Hà My	13/02/1995	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	69	Sáu mươi chín
25	VC297	Tô Thu Phương	20/10/2001	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	78,5	Bảy mươi tám phẩy năm
26	VC312	Nguyễn Thị Như Quỳnh	02/11/1994	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	53	Năm mươi ba
27	VC359	Trần Ngọc Thúy	05/08/1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	69,5	Sáu mươi chín phẩy năm
28	VC364	Trần Anh Thư	24/04/2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Triết học	36	Ba mươi sáu



THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI
Phòng 5

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới Tính	Vị trí	Đơn vị đăng ký	Điểm bảng số	Điểm bằng chữ
1	VC025	Nguyễn Chi Anh	07/05/1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	60,5	Sáu mươi phẩy năm
2	VC059	Trần Mạnh Cường	07/03/2002	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	70	Bảy mươi chẵn
3	VC067	Trần Thị Thu Dung	03/10/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	60,5	Sáu mươi phẩy năm
4	VC263	Khúc Thị Kim Ngân	02/12/1999	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	53	Năm mươi ba
5	VC298	Nguyễn Thị Hoài Phương	10/06/1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	64,5	Sáu mươi tư phẩy năm
6	VC299	Vũ Hồng Mai Phương	30/09/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	67,5	Sáu mươi bảy phẩy năm
7	VC320	Nguyễn Ngô Thanh Tâm	16/04/1999	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	53	Năm mươi ba
8	VC361	Nguyễn Thị Minh Thúy	20/01/1994	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	62	Sáu mươi hai
9	VC368	Vũ Lê Tích Tiến	04/11/2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	50,5	Năm mươi phẩy năm
10	VC377	Lê Minh Trang	09/10/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	40,5	Bốn mươi phẩy năm
11	VC378	Phạm Thu Trang	12/11/1997	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	54,5	Năm mươi tư phẩy năm
12	VC379	Trần Thùy Trang	09/01/2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Văn học	66,5	Sáu mươi sáu phẩy năm
13	VC065	Nguyễn Tiến Duẩn	20/10/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	25,5	Hai mươi lăm phẩy năm
14	VC076	Phạm Duy	22/03/1987	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	30,5	Ba mươi phẩy năm
15	VC223	Nguyễn Thị Diệu Linh	20/04/1999	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững	72	Bảy mươi hai

16	VC019	Nguyễn Nhật Anh	01/10/1996	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Văn hóa	51	Năm mươi một
17	VC096	Nguyễn Thị Hương Giang	15/02/1999	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Văn hóa	65,5	Sáu mươi lăm phẩy năm
18	VC097	Nguyễn Thị Hà Giang	01/05/1999	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Văn hóa	58,5	Năm mươi tám phẩy năm
19	VC162	Trần Thị Hồng	11/08/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Văn hóa	55,5	Năm mươi lăm phẩy năm
20	VC190	Cao Thảo Hương	06/12/1990	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Văn hóa	91,5	Chín mươi một phẩy năm
21	VC280	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	10/08/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Văn hóa	57	Năm mươi bảy
22	VC283	Đặng Viên Như	28/10/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Văn hóa	62	Sáu mươi hai
23	VC318	Phan Thị Kim Tâm	23/02/1997	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Văn hóa	88,5	Tám mươi tám phẩy năm
24	VC108	Nguyễn Thu Hà	12/12/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Khảo cổ học	79,5	Bảy mươi chín phẩy năm
25	VC394	Chử Đình Tuấn	03/09/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Khảo cổ học	67	Sáu mươi bảy
26	VC232	Lâm Kiên Lợi	16/05/1995	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ	82	Tám mươi hai
27	VC013	Nguyễn Trọng Tuấn Anh	31/07/1994	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	76,5	Bảy mươi sáu phẩy năm
28	VC391	Đàm Quang Trung	14/02/1992	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	61,5	Sáu mươi một phẩy năm

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI
Phòng 6

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới Tính	Vị trí	Đơn vị đăng ký	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ
1	VC001	Nguyễn Hà An	15/09/1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	37,5	Ba mươi bảy phẩy năm
2	VC138	Nguyễn Hoàng Hiệp	01/11/1997	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	62,5	Sáu mươi hai phẩy năm
3	VC144	Đậu Thị Quỳnh Hoa	11/07/1990	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	52,5	Năm mươi hai phẩy năm
4	VC164	Hồ Công Hợp	09/06/1998	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	70	Bảy mươi chẵn
5	VC208	Tô Thanh Lễ	15/11/2001	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	80	Tám mươi chẵn
6	VC324	Lê Minh Tân	23/03/1997	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	50	Năm mươi chẵn
7	VC373	Vũ Thị Thùy Trang	28/03/1999	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	32	Ba mươi hai
8	VC383	Võ Thị Bích Trâm	28/10/1988	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	87,5	Tám mươi bảy phẩy năm
9	VC053	Nguyễn Thành Chung	15/04/2001	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	81	Tám mươi mốt
10	VC082	Lê Thị Thùy Dương	13/01/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	74,5	Bảy mươi tư phẩy năm
11	VC083	Nguyễn Phan Thùy Dương	24/11/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	65,5	Sáu mươi lăm phẩy năm

12	VC101	Phạm Thị Thu Hà	24/10/1994	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	58	Năm mươi tám
13	VC102	Ngô Ngọc Hà	06/03/2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	80,5	Tám mươi phẩy năm
14	VC155	Vũ Hải Hoàng	20/07/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	64,5	Sáu mươi tư phẩy năm
15	VC214	Đinh Thị Phương Linh	30/12/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	75,5	Bảy mươi lăm phẩy năm
16	VC237	Nguyễn Trúc Mai	28/02/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	79,5	Bảy mươi chín phẩy năm
17	VC245	Nguyễn Quang Minh	08/10/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	54,5	Năm mươi tư phẩy năm
18	VC255	Đinh Phương Nam	15/08/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	74	Bảy mươi tư
19	VC290	Lương Tấn Phúc	04/08/2000	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	74,5	Bảy mươi tư phẩy năm
20	VC295	Nguyễn Mai Phương	31/10/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	75	Bảy mươi lăm
21	VC307	Nguyễn Tuấn Quang	08/07/1995	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	72	Bảy mươi hai
22	VC314	Nguyễn Quang Sáng	22/10/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	78,5	Bảy mươi tám phẩy năm
23	VC369	Nguyễn Thu Trà	29/06/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	76,5	Bảy mươi sáu phẩy năm
24	VC372	Lê Thị Trang	10/07/2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	81	Tám mươi một
25	VC401	Nguyễn Đắc Tùng	10/01/1989	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	83	Tám mươi ba
26	VC409	Trần Quang Việt	28/04/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương	77,5	Bảy mươi bảy phẩy năm

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI
Phòng 7

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới tính	Vị trí	Đơn vị đăng ký	Điểm bảng số	Điểm bằng chữ
1	VC012	Bùi Mai Anh	14/10/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	53,5	Năm mươi ba phẩy năm
2	VC081	Ngô Vũ Thùy Dương	23/08/2001	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	59	Năm mươi chín
3	VC100	Lê Khánh Hà	09/09/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	63,5	Sáu mươi ba phẩy năm
4	VC132	Vũ Quang Hiền	25/12/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	50,5	Năm mươi phẩy năm
5	VC143	Phạm Thanh Hoa	19/12/1999	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	69,5	Sáu mươi chín phẩy năm
6	VC178	Nguyễn Thị Thúy Huyền	04/05/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	75	Bảy mươi lăm
7	VC205	Nguyễn Lê Tùng Lâm	12/10/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	52	Năm mươi hai
8	VC210	Trần Tùng Linh	14/03/1997	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	66	Sáu mươi sáu
9	VC229	Nguyễn Thế Duy Long	01/09/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	74	Bảy mươi tư
10	VC251	Hà Tú Mỹ	21/08/2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	29	Hai mươi chín
11	VC294	Nguyễn Thị Thu Phương	15/05/2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	51,5	Năm mươi một phẩy năm
12	VC405	Nguyễn Lê Thanh Vân	24/10/1999	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới	50,5	Năm mươi phẩy năm
13	VC080	Mai Thị Mỹ Duyên	10/11/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	57	Năm mươi bảy

14	VC119	Nguyễn Diệp Hà	01/08/1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	76	Bảy mươi sáu
15	VC126	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	27/10/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	62	Sáu mươi hai
16	VC130	Đỗ Khánh Hằng	30/09/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	56,5	Năm mươi sáu phẩy năm
17	VC159	Trần Việt Hoàng	19/03/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	58	Năm mươi tám
18	VC160	Nguyễn Lam Hoàng	04/09/2000	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	75	Bảy mươi lăm
19	VC168	Hoàng Thị Thanh Huệ	30/12/1996	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	81	Tám mươi một
20	VC175	Phạm Ngọc Quang Huy	14/04/2000	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	52	Năm mươi hai
21	VC203	Bùi Thị Lan	20/03/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	60	Sáu mươi chẵn
22	VC284	Phan Tâm Như	15/09/2001	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	66	Sáu mươi sáu
23	VC328	Cao Phương Thao	15/10/1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	75	Bảy mươi lăm
24	VC033	Nguyễn Thảo Anh	05/05/1993	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	41	Bốn mươi một
25	VC035	Nguyễn Thị Hải Anh	02/07/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	62	Sáu mươi hai
26	VC078	Nguyễn Xuân Duy	03/06/2002	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	81	Tám mươi một
27	VC176	Võ Quang Huy	24/09/1998	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	46	Bốn mươi sáu
28	VC209	Hà Thị Lệ	06/09/2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Xã hội học và Tâm lý học	31,5	Ba mươi một phẩy năm



THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI
Phòng 8

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới Tính	Vị trí	Đơn vị đăng ký	Điểm bảng chữ	Điểm bằng số
1	VC018	Lê Hoàng Anh	26/06/1999	Nam	Biên tập viên	Viện Sử học	34	Ba mươi tư
2	VC072	Hà Quang Dũng	10/07/2003	Nam	Biên tập viên	Viện Sử học	62	Sáu mươi hai
3	VC149	Đỗ Thị Hòa	25/02/1997	Nữ	Biên tập viên	Viện Triết học	55	Năm mươi lăm
4	VC180	Tạ Khánh Huyền	18/10/2002	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	72	Bảy mươi hai
5	VC181	Cần Thị Huyền	06/07/1997	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí Khoa học xã hội	62	Sáu mươi hai
6	VC182	Nguyễn Thị Huyền	13/03/1986	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	78	Bảy mươi tám
7	VC189	Bùi Thị Xuân Hương	21/07/1983	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	60	Sáu mươi chẵn
8	VC281	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	31/12/1994	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	63	Sáu mươi ba
9	VC334	Lê Phương Thảo	08/06/2000	Nữ	Biên tập viên	Nhà xuất bản và Tạp chí khoa học xã hội	36	Ba mươi sáu
10	VC344	Nguyễn Đức Thắng	10/01/1997	Nam	Biên tập viên	Viện Triết học	40	Bốn mươi chẵn
11	VC353	Nguyễn Thị Thanh Thủy	14/10/1981	Nữ	Biên tập viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	34	Ba mươi tư
12	VC357	Lâm Minh Thúy	05/07/1992	Nữ	Biên tập viên	Viện Sử học	50	Năm mươi chẵn



13	VC392	Nhữ Thành Trung	09/07/1997	Nam	Biên tập viên	Viện Triết học	43	Bốn mươi ba
14	VC403	Huỳnh Thị Kim Uyên	30/07/2000	Nữ	Biên tập viên	Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên	50	Năm mươi chẵn
15	VC406	Lê Túc Vân	11/12/2001	Nữ	Biên tập viên	Viện Nhà nước và Pháp lật	68,5	Sáu mươi tám phẩy năm
16	VC027	Đinh Thị Lan Anh	24/09/1992	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	33	Ba mươi ba
17	VC113	Khuất Việt Hà	26/04/2003	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	10	Mười chẵn
18	VC128	Nguyễn Thị Minh Hằng	28/04/2001	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	38,5	Ba mươi tám phẩy năm
20	VC151	Trần Thị Hòa	28/02/1989	Nữ	Kế toán viên	Viện Văn học	81	Tám mươi một
21	VC191	Nguyễn Thu Hương	15/06/1995	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	79,5	Bảy mươi chín phẩy năm
22	VC250	Trần Trà My	25/03/2003	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	51	Năm mươi một
23	VC272	Đinh Cao Thạch Ngọc	07/10/2000	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	39	Ba mươi chín
24	VC302	Lại Thu Phương	19/12/1998	Nữ	Kế toán viên	Ban Quản lý dự án ĐTXDCN	38	Ba mươi tám
25	VC340	Đỗ Thị Thắm	27/03/1986	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	50,5	Năm mươi phẩy năm
26	VC366	Vũ Thị Thủy Tiên	31/01/1998	Nữ	Kế toán viên	Văn phòng Viện Hàn lâm	69,5	Sáu mươi chín phẩy năm



27	VC107	Lê Thanh Hà	14/10/1990	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Ngôn ngữ học	75	Bảy mươi lăm
28	VC343	An Quang Thắng	09/02/1983	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Ngôn ngữ học	72,5	Bảy mươi hai phẩy năm
29	VC375	Ngô Hương Trang	23/06/1987	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Ngôn ngữ học	87	Tám mươi bảy

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI
Phòng 9

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Giới tính	Vị trí	Đơn vị đăng ký	Điểm bằng số	Điểm bằng chữ
1	VC042	Trịnh Thu Cẩm	28/06/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	39	Ba mươi chín
2	VC371	Nguyễn Thu Trang	31/10/1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	80	Tám mươi chẵn
3	VC390	Nguyễn Thành Trung	26/12/2000	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	82	Tám mươi hai
4	VC061	Nguyễn Minh Diệp	25/03/1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	51,5	Năm mươi một phẩy năm
5	VC070	Lê Tuấn Dũng	07/01/1991	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	47,5	Bốn mươi bảy phẩy năm
6	VC141	Lê Văn Hiếu	21/10/2000	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	66,5	Sáu mươi sáu phẩy năm
7	VC244	Nguyễn Hà Minh	02/07/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Dân tộc học và Tôn giáo học	41,3	Bốn mươi một phẩy ba
8	VC031	Tạ Thị Hoàng Anh	11/03/1998	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	51	Năm mươi một
9	VC040	Trần Ngọc Bảo	26/05/2002	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	61	Sáu mươi một
10	VC117	Nguyễn Thị Thu Hà	25/05/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	54	Năm mươi tư

11	VC129	Đinh Thanh Hằng	11/02/1999	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	57,5	Năm mươi bảy phẩy năm
12	VC136	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/11/2002	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	77	Bảy mươi bảy
13	VC142	Nguyễn Ngọc Hiếu	25/10/1996	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	62	Sáu mươi hai
14	VC200	Lê Minh Khuê	13/01/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	56,25	Năm mươi sáu phẩy hai mươi lăm
15	VC202	Phạm Thị Lan	22/03/2001	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	73,75	Bảy mươi ba phẩy bảy mươi lăm
16	VC207	Lưu Hồng Lê	03/03/1997	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	62,25	Sáu mươi hai phẩy hai mươi lăm
17	VC224	Phan Thùy Linh	26/10/2001	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	73	Bảy mươi ba
18	VC226	Vũ Thị Ngọc Linh	30/12/2001	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	64,25	Sáu mươi tư phẩy hai mươi lăm
19	VC228	Doãn Thị Loan	16/10/1992	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	76,5	Bảy mươi sáu phẩy năm
20	VC233	Nguyễn Hiền Lương	06/12/2000	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	61,25	Sáu mươi một phẩy hai mươi lăm
21	VC260	Đặng Hồng Nga	02/10/2001	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	61,25	Sáu mươi một phẩy hai mươi lăm
22	VC275	Trương Hồng Ngọc	06/01/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	22	Hai mươi hai
23	VC277	Bùi Phạm Hồng Ngọc	18/03/2003	Nữ	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	46,75	Bốn mươi sáu phẩy bảy mươi lăm
24	VC341	Nguyễn Cao Thăng	06/06/2000	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nhà nước và Pháp luật	56,25	Năm mươi sáu phẩy hai mươi lăm
25	VC039	Phạm Văn Bảo	03/08/2000	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	62	Sáu mươi hai



26	VC054	Trần Anh Công	19/05/1986	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	81	Tám mươi một
27	VC230	Hoàng Văn Long	30/11/2003	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	87	Tám mươi bảy
28	VC306	Bùi Tuấn Quang	22/12/2002	Nam	Nghiên cứu viên	Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ	89	Tám mươi chín

